

第2回 自己紹介

●今回出てきたベトナム語

1.Tôi tên là Hùng. Năm nay 28 tuổi. Tôi sẽ đi Lễ Hội Việt Nam 08.

トイ テン ラ フン ナム ナイ ハイ オイ ヲム トウオイ。トイ セ デイ レ ホイ ヲ ヲ ヲ ヲ

「私の名前はフンです。今年28歳になります。ベトナムフェスティバル08に行く予定です。」

2.Anh tên là gì?

アイン テン ラ ジー

「あなたの名前は何ですか？」

4.Tôi là người Nhật Bản.

トイ ラ ング イ ニ ヲ ヲ バ ン

「わたしは、日本人です」

5.Anh là người Việt Nam có phải không?

アイン ラ ング イ ビ ヲ ヲ ナム コー ファイ ホン?

「あなたはベトナム人ですか？」

●ミニ知識 ～職業名～

学生 シンビエン	sinh viên	留学生 リュウホクシン	lưu học sinh
会社員 ニャンビエンコンティ	nhân viên công ty	銀行員 ニャンビエン ガンハン	nhân viên ngân hàng
公務員 コンチュックニャスオック	công chức nhà nước	医者 ハックシー	bác sĩ
看護師 イター	y tá	運転手 グイライセー	người lái xe



General Agents in The Growing Asia

presented by G.A. コンサルタンツ(株) G.A. Consultants Co., Ltd.